

TỔNG QUAN MỘT SỐ CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ SẢN XUẤT, CHẾ BIẾN VÀ XUẤT KHẨU NÔNG SẢN

Đinh Cao Khuê^{1,2*}, Nguyễn Thị Thủy³, Trần Đình Thao²

¹Công ty Cổ phần Thực phẩm xuất khẩu Đồng Giao

²Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn, Học viện Nông nghiệp Việt Nam

³Khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh, Học viện Nông nghiệp Việt Nam

*Tác giả liên hệ: caokhue.phonui@gmail.com

Ngày nhận bài: 10.08.2020

Ngày chấp nhận đăng: 01.09.2020

TÓM TẮT

Sản xuất, chế biến và xuất khẩu trong những năm gần đây đã đem lại những thành công đáng kể, trong đó xuất khẩu nông sản được coi là một trong những ngành hàng triển vọng của Việt Nam và đang đạt được những thành công trên một số thị trường khó tính như Mỹ, EU và Nhật Bản. Đóng góp vào những thành công đó là sự ra đời các chủ chương, chính sách đúng đắn từ tổng thể như chính sách tái cơ cấu nông nghiệp, chính sách đất đai, đến các cụ thể như chính sách tín dụng cho nông nghiệp, bảo hiểm nông nghiệp, thu hút đầu tư cho nông nghiệp, chính sách xuất khẩu nông sản. Bài viết này phản ánh tổng quan một số chính sách hỗ trợ sản xuất, chế biến và xuất khẩu nông sản, đồng thời phân tích mặt tích cực, hạn chế, đưa ra kiến nghị nhằm hoàn thiện chính sách hỗ trợ sản xuất, chế biến và xuất khẩu nông sản trong thời gian tới.

Từ khóa: Chính sách, hỗ trợ sản xuất, chế biến, tiêu thụ, nông sản.

An Overview of Policies to Support Production, Processing and Export of Agricultural Products in Vietnam

ABSTRACT

In recent years, production, processing and export have brought remarkable successes, of which agricultural exports are considered one of the promising sectors of Vietnam. Currently, agricultural exports in Vietnam have successfully achieved fastidious markets such as USA, EU, and Japan. There have been some factors affecting the successes of Vietnamese agricultural export sector such as agricultural restructuring policies, land policies for agriculture sectors, and agricultural insurance, investment policies to the agriculture field, and export agricultural policies. This article provides an overview of policies to support production, processing and export of agricultural products in Vietnam. In addition, it also analyzes the limitations of agricultural export sector in Vietnam, and gives some suggestions to improve these supporting policies on production, processing, and agricultural exports in the future.

Key words: Policies, supporting production, processing, consumption, agricultural products.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong những năm vừa qua, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách hỗ trợ sản xuất, chế biến và xuất khẩu nông nghiệp nói chung và nông sản nói riêng. Các nghị định, chính sách được ban hành từ tổng thể như chính sách tái cơ cấu nông nghiệp, chính sách đất đai đến các chính sách cụ thể như chính sách tín dụng, bảo hiểm, thu hút đầu tư cho nông

nghiệp... Thực tế cho thấy chủ trương, chính sách đã góp phần thúc đẩy phát triển nông nghiệp với giá trị sản xuất trên 1ha tăng liên tục từ 43,9 triệu đồng năm 2008 đến 91,9 triệu đồng năm 2018. Giá trị đầu tư cho nông nghiệp tăng từ 39.697 tỷ đồng năm 2008 lên 117.172 tỷ đồng năm 2018 (Tổng cục Thống kê, 2019), chế biến nông sản với tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng hàng năm (khoảng 5-7%), góp phần đưa kim ngạch xuất khẩu năm 2018 đạt mức kỷ lục 40,3

tỷ USD, đứng thứ hai Đông Nam Á, thứ 13 trên thế giới (Cục chế biến và Phát triển thị trường nông sản, 2019). Xuất khẩu rau quả đứng thứ ba trong khu vực Asean, sau Philippines và Thái Lan, các mặt hàng rau quả của Việt Nam đã xuất khẩu đến nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ và đã thâm nhập vào thị trường khó tính như Mỹ, EU, Nhật Bản. Mặc dù vậy, chính sách hỗ trợ sản xuất, chế biến, xuất khẩu nông sản cũng bộc lộ những hạn chế nhất định như các chính sách khuyến khích xuất khẩu có khá nhiều, song nằm ở nhiều văn bản, thuộc các lĩnh vực khác nhau và mức độ, đối tượng hỗ trợ cũng rất đa dạng. Điều này làm cho quá trình thực thi gặp nhiều khó khăn, trong khi cải cách thủ tục hành chính, nhất là trong lĩnh vực thuế và hải quan còn chậm (The Asia Fountaion, 2017). Trần Công Thắng (2019) cũng nêu các khó khăn trong chính sách tín dụng đối với doanh nghiệp trong chuỗi giá trị nông sản xuất khẩu như cách tiếp cận nặng về lãi suất, các thủ tục, điều kiện vay phức tạp, hay còn nhiều vướng mắc, hạn chế về thế chấp đất kèm tài sản. Nguyễn Thị Phong Lan (2017) cũng cho thấy văn bản về quản lý và điều hành xuất khẩu nông sản của các cơ quan chức năng vẫn mang tính chất thủ tục hành chính, việc triển khai trong thực tế còn yếu kém, nhiều kẽ hở. Theo Nguyễn Trọng Khương & Trương Thị Thu Trang (2017), Việt Nam chưa có chính sách phù hợp nhằm hỗ trợ giảm chi phí vận chuyển hay kinh phí dành cho hoạt động xúc tiến thương mại ít và có xu hướng giảm mạnh, cách thức triển khai không đổi mới, hiệu quả thấp. Do đó, việc rà soát và đánh giá chính sách hỗ trợ doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu nông sản có ý nghĩa quan trọng đối với thúc đẩy phát triển nông nghiệp theo định hướng xuất khẩu của Việt Nam trong thời gian tới, đặc biệt với các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như EVFTA. Bài viết này phản ánh tổng quan một số chính sách, phân tích mặt tích cực, hạn chế, đưa ra kiến nghị nhằm hoàn thiện chính sách hỗ trợ sản xuất, chế biến và xuất khẩu nông sản của Việt Nam trong thời gian tới.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Phương pháp thu thập tài liệu, số liệu được sử dụng trong bài viết chủ yếu được kế thừa và

tổng hợp từ các nghiên cứu đã được công bố trên sách, báo tạp chí, niên giám thống kê và trang thông tin điện tử chính thức của các bộ, ngành liên quan. Những nghị định, chính sách, bài viết tham khảo từ trang Thư viện pháp luật và sử dụng phương pháp nghiên cứu tại bàn (desk review), phương pháp phân tích cấu trúc và thực hiện chính sách SCP (Structure Conduct Performance) để phân tích nội dung, hạn chế của nghị định, quyết định. Phương pháp so sánh đối chiếu cũng được sử dụng để so sánh đối chiếu giữa chính sách và thực tế thực thi chính sách. Ngoài ra, bài viết sử dụng thông tin phỏng vấn 63 doanh nghiệp nông nghiệp đánh giá về một số chính sách hỗ trợ sản xuất, chế biến và xuất khẩu nông sản theo 5 mức độ với điểm số tăng dần từ 1 đến 5 (không phù hợp, ít phù hợp, trung bình, phù hợp và rất phù hợp).

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Tổng quan một số chính sách hỗ trợ sản xuất, chế biến và xuất khẩu nông sản

3.1.1. Chính sách tái cơ cấu ngành nông nghiệp

Để nông nghiệp phát triển bền vững, phát huy được lợi thế cạnh tranh, thì tái cơ cấu ngành nông nghiệp là một đòi hỏi cấp bách. Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 899/QĐ-TT ngày 10/6/2013 đã xác định định hướng tái cơ cấu đối với hầu hết các lĩnh vực cụ thể của ngành nông nghiệp. Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 19/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ là một trong những định hướng tái cơ cấu các ngành sản xuất được đặt ra là kết nối sản xuất nông nghiệp với công nghiệp chế biến, bảo quản và xuất khẩu, tiêu thụ nông sản trên thị trường, với chuỗi giá trị toàn cầu đối với các sản phẩm có lợi thế và khả năng cạnh tranh trên thị trường thế giới.

3.1.2. Chính sách thuế, phí

Năm 2008 với sự ra đời của Nghị quyết 26-NQ/TW chính sách thuế đối với sản xuất nông nghiệp thành một thể thống nhất tạo điều kiện cho phát triển sản xuất nông nghiệp. Nghị định

số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013, Thông tư số 219/2013/TT- BTC hướng dẫn thi hành Nghị định 209, Chính phủ đã quy định không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT đối với trường hợp sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản chưa chế biến. Luật thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013, miễn thuế TNDN từ hoạt động trồng trọt, chăn nuôi, sản xuất muối của HTX; thu nhập của HTX hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp ở địa bàn điều kiện kinh tế khó khăn. Điều 4 Luật thuế thu nhập cá nhân (TNCN) quy định miễn thuế TNCN đối với hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp chưa qua chế biến.

3.1.3. Chính sách thu hút đầu tư vào nông nghiệp

Nông nghiệp là lĩnh vực nhiều rủi ro, vì vậy các nhà đầu tư thường thờ ơ với lĩnh vực này, để thúc đẩy sự phát triển nông nghiệp, một loạt chính sách ra đời nhằm thu hút các nhà đầu tư tham gia vào nông nghiệp. Quyết định số 497/QĐ-TTg ngày 17/4/2009 về Hỗ trợ tín dụng mua sản phẩm máy móc, thiết bị cơ khí, phương tiện phục vụ sản xuất và chế biến nông nghiệp. Nghị định 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn như: Miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; Hỗ trợ doanh nghiệp nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao; Hỗ trợ đầu tư cơ sở bảo quản, chế biến nông sản; sản xuất sản phẩm phụ trợ. Nghị quyết 53/NQ-CP ngày 17/07/2019 của Chính phủ về giải pháp khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp hiệu quả, an toàn và bền vững.

3.1.4. Chính sách tín dụng

Chính sách tín dụng là một trong những công cụ quan trọng để phát triển nông nghiệp, ngày 30/3/1999, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 67/1999/QĐ-TTg về một số chính sách tín dụng ngân hàng phục vụ phát triển nông nghiệp và nông thôn, đây là chính sách khởi đầu cho sự hỗ trợ tín dụng phát triển nông nghiệp nông thôn. Tuy nhiên quá trình triển khai quyết định bộc lộ một số bất cập, đến ngày 12/4/2010, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 41/2010/NĐ-CP về chính sách tín dụng thay thế

Nghị Quyết 67/1999/QĐ-TTg, quy định cụ thể các đối tượng vay vốn phát triển nông nghiệp, nông thôn. Nghị định cũng cho phép các tổ chức tín dụng được cho vay không có tài sản đảm bảo tối đa đến 50 triệu đồng đối với cá nhân, hộ sản xuất; tối đa đến 200 triệu đồng đối với hộ kinh doanh, sản xuất phục vụ nông nghiệp; tối đa 500 triệu đồng đối với HTX, chủ trang trại.

3.1.5. Chính sách bảo hiểm

Sản xuất kinh doanh nông nghiệp phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên, trong khi đó thị trường bảo hiểm nông nghiệp còn rất khiêm tốn, để giúp nông dân hạn chế những tổn thất khi rủi ro xảy ra, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 121/2011/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 1/10/2011 hướng dẫn Quyết định số 315/QĐ-TTg ngày 01/03/2011 của Thủ tướng Chính phủ. Nhà nước hỗ trợ 100% phí bảo hiểm cho hộ nông dân, cá nhân nghèo sản xuất nông nghiệp; hỗ trợ 80% phí bảo hiểm cho hộ nông dân, cá nhân cận nghèo sản xuất nông nghiệp; hỗ trợ 60% phí bảo hiểm cho hộ nông dân, cá nhân không thuộc hộ nghèo, cận nghèo sản xuất nông nghiệp, hỗ trợ 20% phí bảo hiểm cho tổ chức sản xuất nông nghiệp.

3.1.6. Chính sách ứng dụng khoa học công nghệ

Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ: Hỗ trợ 70% kinh phí cho thực hiện đề tài nghiên cứu để tạo ra công nghệ mới, 30% kinh phí đầu tư mới để thực hiện sản xuất thử nghiệm ứng dụng công nghệ mới và quy định mức hỗ trợ cụ thể khi đầu tư cơ sở chế biến nông sản. Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29/08/2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ, quy định về sản xuất, chứng nhận, ghi nhãn, logo, truy xuất nguồn gốc, kinh doanh, kiểm tra nhà nước sản phẩm nông nghiệp hữu cơ trong các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản và chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ.

3.1.7. Chính sách khuyến khích liên kết và xúc tiến thương mại

Nhằm thúc đẩy liên kết, ngày 25/10/2013, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số

62/2013/QĐ-TTg về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn liền với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn.

Chính phủ Việt Nam cũng đã tiến hành đàm phán và ký kết các thoả thuận hay các hiệp định với Chính phủ Nhật Bản như: Hiệp định đối tác kinh tế EPA, Hiệp định thương mại tự do AJCEP giữa các nước ASEAN và Nhật Bản (hiệu lực từ năm 2008), Hiệp định VJEFA giữa Việt Nam và Nhật Bản (có hiệu lực từ năm 2009), Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương CPTPP (có hiệu lực 2019), Hiệp định EVFTA (đã được Nghị viện châu Âu chính thức thông qua 12/2/2020),... Ngoài ra, Chính phủ cũng đã tiến hành xây dựng các trung tâm xúc tiến thương mại làm công tác dự báo thị trường, tổ chức thu thập thông tin và xử lý thông tin để cung cấp cho các doanh nghiệp kinh doanh xuất khẩu.

3.1.8. Chính sách khuyến khích xuất khẩu

Xuất khẩu nông sản là định hướng cho phát triển nông nghiệp Việt Nam, ngày 26/8/1998 Bộ tài chính đã ban hành Thông tư số 83/1998/TT/BTC quy định việc các doanh nghiệp xuất khẩu rau quả được phép hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt đối với mặt hàng rau quả xuất khẩu. Nghị quyết số 83/NQ-CP của Chính phủ, Nghị định số 133/2013/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số Nghị định trước đó về tín dụng đầu tư, tín dụng xuất khẩu của Nhà nước. Trong đó có quy định cụ thể “gia hạn thời gian vay vốn lên tối đa là 36 tháng đối với khoản vay vốn tín dụng xuất khẩu”.

3.2. Tác động tích cực và hạn chế của các chính sách hỗ trợ sản xuất, chế biến và xuất khẩu nông sản

3.2.1. Đánh giá thực thi một số chính sách từ các doanh nghiệp nông nghiệp

Trong quá trình thực thi chính sách đã bộc lộ mặt tích cực và tiêu cực, kết quả đánh giá của doanh nghiệp nông nghiệp về việc ban hành một số chính sách hỗ trợ chế biến và xuất khẩu nông sản cho thấy: tính phù hợp, kịp thời và tính đáp ứng thực tiễn của chính sách tín dụng còn thấp trong khi chính sách khoa học công nghệ và chính sách liên kết được đánh giá cao trong việc thực thi trong thực tiễn.

Đánh giá các tiêu chí cụ thể về chính sách tín dụng, các doanh nghiệp cho rằng thủ tục vay vốn, số tiền vay, thời gian giải ngân và lãi suất vay còn ở mức điểm tương đối thấp thể hiện ít phù hợp trong thực thi chính sách. Các chỉ tiêu mức thuế, miễn giảm thuế khi xuất khẩu nông sản và các tiêu chí về hỗ trợ khoa học công nghệ và thúc đẩy liên kết được đánh giá mức độ phù hợp cao.

3.2.2. Tác động tích cực của chính sách

Nông sản Việt Nam được ghi nhận có sự tiến bộ vượt bậc với giá trị sản xuất trên 1ha, tăng liên tục từ 43,9 triệu đồng năm 2008 đến 91,9 triệu đồng năm 2018. Đầu tư vào nông nghiệp tăng cả về số doanh nghiệp và vốn đầu tư, năm 2019 cả nước có 2.756 doanh nghiệp nông nghiệp được thành lập mới, tăng 25,3% so với năm 2018, nâng tổng số doanh nghiệp nông nghiệp lên 12.581 (tăng 36,23%), đã có 17 dự án đầu tư xây dựng nhà máy chế biến nông sản lớn với tổng mức đầu tư trên 20 nghìn tỉ đồng đi vào hoạt động. Bên cạnh đó, ngành nông lâm ngư nghiệp đã thành lập mới 6 liên hiệp HTX và 1.800 HTX nông nghiệp, nâng tổng số lên 45 liên hiệp HTX nông nghiệp và 15.300 HTX nông nghiệp trên cả nước. Tỷ lệ HTX tham gia dịch vụ tiêu thụ nông sản cho xã viên tăng từ dưới 10% trước đây lên 24,5%. Giá trị đầu tư cho nông nghiệp tăng từ 39.697 tỷ đồng năm 2008 lên 117.172 tỷ đồng năm 2018 (Niên giám thống kê, 2019).

Trong 10 năm qua, công nghiệp chế biến nông sản của Việt Nam với tốc độ tăng trưởng hàng năm đạt khoảng 5-7%, góp phần đưa kim ngạch xuất khẩu năm 2018 đạt mức kỷ lục 40,3 tỷ USD, đứng thứ hai Đông Nam Á, thứ 13 trên thế giới với 10 nhóm mặt hàng nông, lâm, thủy sản có kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ đô la Mỹ. Về sản phẩm rau quả, Việt Nam trở thành nước xuất khẩu rau quả đứng thứ ba trong khu vực Asean, sau Philippines và Thái Lan; các mặt hàng rau quả của Việt Nam đã xuất khẩu đến nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ (Cục Chế biến và Phát triển thị trường nông sản, 2019). Nhờ triển khai đồng bộ các chính sách tín dụng đã đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, chính sách thuế đã có những điểm mới nhằm thúc đẩy đầu tư vào địa bàn kinh tế khó khăn để tiêu thụ sản phẩm nông

Tổng quan một số chính sách hỗ trợ sản xuất, chế biến và xuất khẩu nông sản

sản, ưu đãi để thúc đẩy đầu tư vào kết cấu hạ tầng nông thôn, ưu đãi để dồn điền đổi thửa từng bước phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá. Các chương trình xúc tiến xuất khẩu và xúc tiến thương mại đã hỗ trợ kịp thời cho các doanh nghiệp đẩy mạnh xuất khẩu các mặt hàng nông sản của Việt Nam ra thị trường thế giới. Điều này được thể hiện ở bảng 1 và 2.

3.2.3. Những hạn chế của chính sách

Chính sách hỗ trợ sản xuất, chế biến, xuất khẩu nông sản đã mang lại nhiều tác động tích

cực cho phát triển nông sản Việt Nam. Tuy nhiên, hiện còn nhiều rào cản kìm hãm sự phát triển nông nghiệp nói chung và nông sản nói riêng. Chính sách tập trung tích tụ đất nông nghiệp như mức thuế và phí liên quan đến chuyển nhượng đất nông nghiệp bị áp chung như các bất động sản khác; doanh nghiệp tư nhân trong nước không được giao đất có thu tiền sử dụng đất nông nghiệp mà chỉ được thuê đất để đầu tư sản xuất nông nghiệp; hộ nhận chuyển nhượng đất lúa phải là hộ nông nghiệp (Phan Thị Thu Hà, 2019).

Bảng 1. Đánh giá của các doanh nghiệp về việc ban hành một số chính sách hỗ trợ sản xuất, chế biến và xuất khẩu nông sản theo thang đo likert 5 mức độ

Chỉ tiêu	Nhóm chính sách			
	Chính sách thuế, phí	Chính sách tín dụng	Chính sách KHCN	Chính sách liên kết
Tính phù hợp	4,5	4,3	4,6	4,7
Tính kịp thời	4,0	3,5	4,1	4,3
Tính đáp ứng	3,8	3,6	4,0	4,1

Bảng 2. Đánh giá của các doanh nghiệp về một số chính sách hỗ trợ sản xuất, chế biến và xuất khẩu nông sản (% ý kiến)

Chỉ tiêu	Mức độ đánh giá				
	1	2	3	4	5
Chính sách tín dụng					
Thủ tục vay	25,97	19,16	20,13	14,61	20,13
Số tiền vay	24,03	24,35	19,81	14,29	17,53
Thời gian vay	19,81	18,18	27,92	19,81	14,29
Thời gian được giải ngân	24,68	25,32	13,31	11,36	25,32
Lãi suất vay	25,32	15,58	18,51	16,23	24,35
Chính sách thuế, phí					
Mức thuế xuất khẩu nông sản	6,82	11,04	31,17	26,95	24,03
Phí làm thủ tục xuất khẩu	5,19	20,78	28,90	32,14	12,99
Miễn giảm thuế phí xuất khẩu	12,66	21,10	29,87	28,90	7,47
Chính sách khoa học công nghệ					
Hỗ trợ chứng nhận, công nghệ nâng cao chất lượng sản phẩm	8,77	9,74	25,97	48,05	7,47
Hỗ trợ nâng cao thiết bị bảo quản chế biến	15,58	18,51	41,88	18,83	5,19
Hỗ trợ các kỹ thuật mới	8,44	17,21	31,49	28,25	14,61
Nghiên cứu và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật mới cho hộ nông dân ở vùng nguyên liệu	11,69	21,10	24,35	29,87	12,99
Chính sách liên kết					
Lợi ích trong liên kết	4,87	11,04	28,25	36,69	19,16
Vai trò của địa phương trong các mối liên kết	7,47	10,06	28,25	30,52	23,70
Hỗ trợ của Nhà nước trong xây dựng vùng nguyên liệu	11,69	27,27	20,45	18,18	22,40

Chính sách hỗ trợ cho phát triển nông nghiệp thủ tục còn rườm rà, gây khó khăn cho người được hỗ trợ như cả nước chỉ có 35 HTX được vay gần 70 tỷ đồng vốn từ ngân hàng thương mại không có tài sản bảo đảm, còn không ít HTX muốn vay thì các thành viên HTX phải thế chấp bằng sổ đỏ của gia đình mình nên chưa bảo đảm nguồn vốn cho HTX hoạt động (Đào Lan Phương, 2012).

Các chính sách bảo hiểm nông nghiệp còn nhiều bất cập như được tham gia, thanh toán bảo hiểm, hộ nông dân, chủ trang trại phải thỏa mãn điều kiện về quy mô sản xuất, mức độ thiệt hại... Quyết định 315/QĐ-TTg ban hành chính sách hợp tác công tư, tuy nhiên chương trình này được coi là một chính sách xã hội, không nhằm mục đích thương mại để hỗ trợ cho người nông dân và doanh nghiệp nông nghiệp chủ động khắc phục, bù đắp thiệt hại tài chính do hậu quả của thiên tai, dịch bệnh gây ra (Bảng 2).

Chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư cho nông nghiệp, mức độ hỗ trợ cho doanh nghiệp còn thấp, chưa đủ sức hấp dẫn đầu tư và chưa bảo vệ được doanh nghiệp nông nghiệp Việt Nam trước sức cạnh tranh của doanh nghiệp nước ngoài. Nghị định số 210/NĐ-CP về khoa học công nghệ khi thực thi còn gặp khó khăn về thủ tục hành chính (16 bước, khoảng 40 văn bản có liên quan), điều 8 của Nghị định chưa phù hợp với Luật Đất đai 2013.

3.3. Giải pháp hoàn thiện chính sách hỗ trợ sản xuất, chế biến và xuất khẩu nông sản

3.3.1. Đẩy mạnh quá trình tích tụ ruộng đất

Khuyến khích nông dân, doanh nghiệp tích tụ đất nông nghiệp phục vụ sản xuất quy mô lớn, tăng hiệu quả sản xuất nông sản: Xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách tích tụ, tập trung đất nông nghiệp; Sửa đổi, bổ sung Luật Đất đai năm 2013 theo hướng bỏ hoặc nói lỏng hạn chế mức nhận quyền chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp để khuyến khích việc tích tụ ruộng đất cho phát triển nông nghiệp quy mô lớn. Nhà nước nên quy định chỉ sử dụng một hình thức là thuê đất; bãi bỏ quy định về thời hạn giao đất, cho thuê đất nông nghiệp.

Bên cạnh đó, xóa bỏ sự phân biệt về quyền cho các chủ thể sử dụng đất; thay thế quyền chuyển đổi và quyền chuyển nhượng bằng quyền mua bán; công bố rộng rãi thông tin về từng thửa đất trên internet; thí điểm bãi bỏ hoặc mở rộng hạn điền trước khi chính thức sửa đổi Luật Đất đai.

3.3.2. Miễn giảm thuế, phí

Chính phủ nên xem xét lại chính sách thuế, nên bỏ thuế xuất khẩu hàng nông sản, thuế nhập khẩu công nghệ ứng dụng cho nông nghiệp; xem xét miễn thuế cho các doanh nghiệp đầu tư vào các ngành khu vực trọng tâm, trọng điểm, miễn giảm thuế cho các hạng mục Nhà nước khuyến khích. Cần ưu đãi thuế nhiều hơn cho doanh nghiệp sản xuất các yếu tố đầu vào cho nền nông nghiệp sạch, thân thiện với môi trường, các doanh nghiệp chế biến nông sản và sử dụng nhiều lao động ở khu vực nông thôn. Cần có chính sách ưu đãi thuế nhằm thúc đẩy sự liên kết của “4 nhà”, qua đó, thúc đẩy đưa tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp và phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Nên miễn thuế TNDN xuống 10% cho doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực chế biến, tiêu thụ trái cây, quy định thuế GTGT bằng 0% đối với doanh nghiệp chế biến, đóng gói và tiêu thụ trái cây có đăng ký thương hiệu.

3.3.3. Đẩy mạnh tín dụng nông thôn

Nhà nước cần hoàn thiện khung pháp lý để phát triển cung ứng đồng bộ các sản phẩm dịch vụ tài chính mới nhằm tăng khả năng tiếp cận tín dụng với quy mô lớn và dài hạn hơn cho nông dân, trang trại, HTX và doanh nghiệp trong nông nghiệp; xây dựng cơ chế chính sách kết hợp chặt chẽ giữa các chương trình cho vay và bảo hiểm nông nghiệp theo chuỗi giá trị nông nghiệp. Cần sửa đổi, bổ sung Nghị định 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo hướng nâng mức cho vay tối đa không có tài sản bảo đảm đối với cá nhân, hộ gia đình, mở rộng đối tượng hưởng chính sách tín dụng đối với lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, cho phép sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay của

các dự án, phương án ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp làm tài sản bảo đảm. Cần đơn giản hóa các thủ tục và điều kiện vay vốn.

3.3.4. Tăng cường khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp

Nghị định số 57/2018/NĐ-CP, nghị quyết số 53/NQ-CP được xem là yếu tố quan trọng nhất, thu hút doanh nghiệp đầu tư mạnh vào sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp. Tuy nhiên, khi thực hiện còn có nhiều vướng mắc trong việc ban hành các quy định đặc thù của địa phương về hỗ trợ doanh nghiệp, vì vậy nhanh chóng ban hành các văn bản này sẽ tăng cường thu hút đầu tư cho nông nghiệp. Do vậy, cần nâng cao năng lực cạnh tranh xuất khẩu cho doanh nghiệp thông qua xúc tiến thương mại địa phương, triển khai hoạt động hỗ trợ thiết thực cho các doanh nghiệp và hiệp hội ngành hàng xuất khẩu theo hướng phát triển xuất khẩu gắn với xây dựng thương hiệu ngành hàng, mở rộng thị trường xuất khẩu trong bối cảnh công nghiệp 4.0.

3.3.5. Phát triển bảo hiểm nông nghiệp

Cần phát triển thị trường bảo hiểm nông nghiệp để phòng ngừa rủi ro có hiệu quả, xoá bỏ tâm lý e ngại của các nhà đầu tư đối với mức độ rủi ro trong sản xuất nông nghiệp. Đặc biệt, cần ưu tiên triển khai các chương trình bảo hiểm, hỗ trợ phí bảo hiểm cho các hộ nông dân trong vùng chuyên canh, có liên kết với doanh nghiệp.

4. KẾT LUẬN

Hệ thống nghị định, chính sách hỗ trợ sản xuất, chế biến và xuất khẩu nông sản trong thời gian qua đã được triển khai thực hiện đồng bộ trên cả nước, đóng vai trò quan trọng trong thúc đẩy sự phát triển sản xuất nông nghiệp. Chính sách tái cơ cấu nông nghiệp đã định hướng lại hình thức, cơ chế phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng quy mô lớn, liên kết và phát triển theo chuỗi giá trị. Nhằm mục đích thu hút đầu tư phát triển nông nghiệp, một loại chính sách thuế phí, tín dụng, bảo hiểm, liên kết, xúc tiến thương mại, ứng dụng khoa học công nghệ ra đời, quy định cụ thể đối tượng, mức độ hỗ trợ

cho sản xuất, chế biến và xuất khẩu nông sản. Việc ban hành nghị định chính sách đã góp phần đưa nông sản Việt có vị thế trên thị trường quốc tế và khu vực.

Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện, một số chính sách còn bộc lộ nhiều bất cập, chưa thực sự phù hợp với thực tiễn và gây khó khăn trong công tác thực thi. Chính sách thuế chưa có sự gắn kết với chính sách kinh tế khác trong việc thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất lớn, chuyên môn hóa. Chính sách tín dụng, bảo hiểm phụ thuộc vào quy mô sản xuất nên đối tượng được thụ hưởng chưa nhiều. Chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư cho nông nghiệp, mức độ hỗ trợ còn thấp, chưa đủ sức hấp dẫn đầu tư, thủ tục còn rườm rà, gây cản trở cho doanh nghiệp trong việc hợp tác xây dựng vùng nguyên liệu với nông dân.

Vì vậy, để các chủ trương, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp phát huy hiệu quả đối với sự phát triển sản xuất, chế biến, xuất khẩu nông sản cần rà soát chỉnh sửa những điểm chưa hợp lý trong các chính sách thuế phí, chính sách tín dụng, chính sách khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp và chính sách bảo hiểm nông nghiệp. Cần đẩy mạnh quá trình tích tụ ruộng đất; miễn giảm thuế, phí cho doanh nghiệp đầu tư vào khu trọng tâm, trọng điểm; tăng khả năng tiếp cận tín dụng với quy mô lớn và dài hạn hơn; giảm bớt các thủ tục hành chính rườm rà để thu hút doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp. Các nghiên cứu tiếp theo cần hướng về đánh giá hiệu quả từng chính sách cũng như tác động tổng thể của các chính sách đến quá trình phát triển nông nghiệp để sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện kịp thời góp phần đưa chính sách vào cuộc sống.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bộ Tài chính (2015). Thông tư số 96/2015/TT-BTC: Hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại nghị định 12/2015/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 78/2014/TT-BTC, thông tư 119/2014/TT-BTC, thông tư 151/2014/TT-BTC do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành.

- Bộ Tài chính (2011). Thông tư số 121/2011/TT-BTC: Hướng dẫn một số điều của quyết định số 315/QĐ-TTG ngày 01/3/2011 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện thí điểm bảo hiểm nông nghiệp giai đoạn 2011-2013.
- Bộ Tài chính (2011). Thông tư số 99/2011/TT-BTC: Hướng dẫn quản lý tài chính đối với việc thực hiện thí điểm bảo hiểm tín dụng xuất khẩu
- Bộ Tài chính (2011). Thông tư số 219/2013/TT-BTC: Hướng dẫn thi hành luật thuế giá trị gia tăng và nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi HÀNH MỘT số điều luật thuế giá trị gia tăng.
- Chính phủ (2010). Nghị định số 41/2010/NĐ-CP: Về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.
- Chính phủ (2013). Nghị định số 209/2013/NĐ-CP: Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều luật thuế giá trị gia tăng.
- Chính phủ (2013). Nghị định số 210/2013/NĐ-CP: Về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.
- Chính phủ (2015). Nghị định 55/2015/NĐ-CP: Sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.
- Chính phủ (2015). Nghị định 118/2015/NĐ-CP: Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật đầu tư.
- Chính phủ (2018). Nghị định số 109/2018/NĐ-CP: Về nông nghiệp hữu cơ.
- Chính phủ (2018). Nghị định số 57/2018/NĐ-CP : Về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.
- Chính phủ (2018). Nghị định số 58/2018/NĐ-CP: Về bảo hiểm nông nghiệp.
- Chính phủ (2019). Nghị quyết số 53/NQ-CP: Về giải pháp khuyến khích, thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp hiệu quả, an toàn và bền vững.
- Chính phủ (2002). Quyết định số 110/2002/QĐ-TTg: Về việc lập, sử dụng và quản lý quỹ bảo hiểm xuất khẩu ngành hàng.
- Chính phủ (2013). Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg: Về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn.
- Chính phủ (2013). Quyết định số 339/QĐ-TTg: Phê duyệt đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013-2020.
- Chính phủ (2011). Quyết định số 315/QĐ-TTg: Về việc thực hiện thí điểm bảo hiểm nông nghiệp giai đoạn 2011-2013.
- Chính phủ (2017). Nghị quyết số 30/ NQ-CP: Phiên họp chính phủ thường kỳ tháng 02 năm 2017.
- Chính phủ (2019). Quyết định số 22/2019/QĐ-TTg ngày 26/6/2019: về thực hiện chính sách hỗ trợ bảo hiểm nông nghiệp.
- Cục chế biến và phát triển thị trường nông sản (2019). Báo cáo tổng kết năm 2019
- Đào Lan Phương (2012). Chính sách tài chính đối với sự phát triển của nông nghiệp, nông dân và nông thôn Việt Nam, thực trạng và giải pháp. Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp. 1.
- Hiệp hội Rau quả (2019). Báo cáo tổng kết năm 2019
- Lê Xuân Trường (2012) Chính sách thuế với “tam nông”: cơ sở lý luận và thực tiễn Việt Nam. Tạp chí Tài chính. 8.
- Nguyễn Trọng Khương, Trương Thị Thu Trang (2017). Thực trạng và giải pháp thúc đẩy xuất khẩu nông sản của Việt Nam. Tạp chí Nghiên cứu lập pháp. 14(342).
- Nguyễn Thị Phong Lan (2017). Quản lý nhà nước đối với xuất khẩu nông sản ở Việt Nam trong hội nhập quốc tế. Luận án tiến sỹ. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
- Phan Thị Thu Hà (2019). Tích tụ đất trong nông nghiệp - thực trạng và các kiến nghị chính sách. Tạp chí Nghiên cứu lập pháp. 15.
- Quốc hội (2013). Luật Thuế xuất khẩu, nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06/04/2016.
- Quốc hội (2013). Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013.
- The Asia Foundation (2011). Báo cáo năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp xuất khẩu trong ba ngành may mặc, thủy sản và điện tử ở Việt nam. Truy cập từ <https://asiafoundation.org/resources/pdfs/TAFExportCompetitivefinal.pdf>, ngày 01/8/2020.
- Trần Công Thắng (2019). Doanh nghiệp Việt Nam tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu. Truy cập từ <https://www.ifc.org/wps/wcm/connect/72f0e23b-8ba0-4105-8c62-4d0f65378a80/3-2-Thang-Vietnam-to-join-the-global-SCF-VI.pdf?MOD=AJPERES&CVID=mVwGT53>, ngày 01/8/2020.
- Tổng cục Thống kê (2019). Niên giám Thống kê Việt Nam. Nhà xuất bản Thống kê.